

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 155/2022/HSPT

Ngày 04 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2022/HSPT ngày 25/5/2022, đối với bị cáo Phạm Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HSST ngày 12/4/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1994, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký HKTT: Xóm X, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Đường LH, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Minh P và bà Trần Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T hành nghề lái xe tải và chở hàng hóa là rau, củ, quả từ tỉnh Đắk Lắk giao đến các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước. Vào khoảng 14 giờ ngày 19/10/2021, T điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Isuzu, biển số 48C-061.00, màu sơn trắng (có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông là 2400kg), lưu thông từ xã TA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đến chợ Đầu mối thuộc phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 17 giờ 08 phút, T điều khiển xe ô tô đi đến khu vực trước Đài phát thanh tỉnh Đắk Lắk, thuộc đường LD, phường ET, thành phố B, đây là đoạn đường có cấm biển báo cấm phương tiện vận tải hàng hóa có khối lượng cho phép từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn lưu thông trong khung giờ cao điểm trong nội đô thị thành phố B, từ 06 giờ đến

08 giờ và 16 giờ 30 phút đến 19 giờ hàng ngày, nhưng T vẫn tiếp tục điều khiển xe ô tô vào nội đô thị thành phố B, theo hướng đi trên các tuyến đường lần lượt là LD, W, MTL và TQ. Khoảng 17 giờ 17 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe ô tô biển số 48C-061.00 đến khu vực Km 01 thuộc đường TQ, thì bị Tổ Cảnh sát giao thông - Trật tự Công an thành phố B (gồm: Anh Phạm Xuân A1 - Tổ trưởng, cùng anh Nguyễn Xuân A2, Lê Văn A3 và Trần Đình A4, đều mặc trang phục Công an nhân dân, đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm đường cấm, tốc độ, chuyển hướng, nồng độ cồn và các hành vi vi phạm khác theo Kế hoạch số 45/KH-Đội CSGTTT-TTKS từ ngày 18/10/2021 đến ngày 24/10/2021, của Công an thành phố B), phát hiện T vi phạm lỗi “Đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển” quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, nên anh A2 đã ra hiệu lệnh dừng phương tiện để kiểm tra, thông báo lỗi vi phạm đối với T và chuyển cho anh A1 tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đồng thời tạm giữ 01 Giấy phép lái xe ô tô của T để đảm bảo việc xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, T không đồng ý với lỗi vi phạm, không ký vào biên bản vi phạm hành chính của lực lượng Cảnh sát giao thông và yêu cầu anh A1 trả lại Giấy phép lái xe cho T, nên tổ công tác đã mời người chứng kiến về việc lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi Tổ công tác của lực lượng Cảnh sát giao thông - trật tự điều khiển xe ô tô biển số 47A-004.46 về đơn vị để bàn giao thiết bị cho Tổ công tác khác tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì T đứng trước đầu xe ô tô biển số 47A-004.46, cản trở không cho lực lượng Cảnh sát giao thông - trật tự di chuyển, đồng thời T dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10+ quay lại nội dung sự việc. Sau nhiều lần giải thích và yêu cầu T không cản trở, nhưng T vẫn không đồng ý và tiếp tục đứng trước đầu xe ô tô để không cho lực lượng Cảnh sát giao thông rời đi, nên anh A1 đã báo cho Đội trực ban Công an phường TL, thành phố B đến hỗ trợ giải quyết sự việc. Đến khoảng 18 giờ 46 phút cùng ngày, sau khi nhiều lần yêu cầu T không cản trở xe ô tô của Cảnh sát giao thông di chuyển nhưng T không chấp hành, nên lực lượng Công an phường TL đã kéo T lên khu vực vỉa hè để cho xe ô tô 47A-004.46 di chuyển, thì T hô lên “*Công an đánh dân*”, rồi vùng ra chạy đến điều khiển xe ô tô biển số 48C-061.00 với tốc độ khoảng 84km/h, đuổi theo và vượt lên chặn trước đầu xe ô tô biển số 47A-004.46 của Tổ công tác đang lưu thông trên đường TQ, tiếp tục gây cản trở không cho xe ô tô của Tổ công tác di chuyển. Sau đó, T xuống xe và tiếp tục đi đến đứng chặn trước đầu xe ô tô biển số 47A-004.46 và yêu cầu Tổ công tác phải trả lại Giấy phép lái xe ô tô đã tạm giữ của T. Thấy vậy, các đồng chí Cảnh sát trong Tổ công tác tiếp tục giải thích cho T về lỗi vi phạm và yêu cầu T không gây cản trở nhưng T không đồng ý và tiếp tục đứng trước đầu xe ô tô của Tổ công tác và sử dụng điện thoại di động quay clip cản trở không cho Tổ công tác di chuyển. Lúc này, có nhiều người dân đi đường dừng lại để quan sát dẫn đến việc ách tắc giao thông trên tuyến đường TQ, nên Tổ công tác đã thông báo đến Chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an thành phố B, Công an phường TL, thành phố B và Đội Cảnh sát phản ứng nhanh thuộc phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk (Cảnh sát 113), để tăng cường lực lượng phối hợp để giải quyết vụ việc. Sau khi tiếp nhận thông tin, các anh Bùi Thanh S1, Phạm Anh S2, Nguyễn Tiến S3 và Phan Quốc S4 là những người được phân công thuộc Tổ trực chiến đấu Đội Cảnh sát 113 đã có mặt tại hiện trường, cùng

tổ Cảnh sát giao thông và lực lượng Công an phường TL nhiều lần giải thích cho T về hành vi vi phạm Luật giao thông đường bộ, hành vi cản trở lực lượng thi hành công vụ và cản trở các phương tiện giao thông lưu thông trên đường, nhưng T vẫn đứng trước đầu xe ô tô biển số 47A-004.46 yêu cầu trả lại giấy phép lái xe. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T vẫn tiếp tục có hành vi cản trở như trên, đồng thời lúc này có nhiều người dân tụ tập gây mất an ninh trật tự và ảnh hưởng đến công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên địa bàn thành phố B, nên lực lượng Công an phường TL và Cảnh sát 113 đã yêu cầu T về trụ sở Công an phường TL làm việc thì T dùng tay lấy trong túi quần ra số tiền 290.000 đồng, vứt xuống nền đường TQ rồi hô lớn “*Công an cướp tiền, Công an cướp tiền*”, thì bị lực lượng Cảnh sát 113 tiến hành khống chế đưa T lên thùng xe ô tô bán tải đặc chủng biển số 47A-004.88 của lực lượng Cảnh sát 113, đưa về trụ sở Công an phường TL làm việc. Trên đường đi về trụ sở Công an phường, anh Nguyễn Tiến S3 (cán bộ Cảnh sát 113) cùng các cán bộ khác khống chế T nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển, thì T dùng răng cắn trúng ngón trỏ bàn tay trái và dùng tay cào cấu gây trầy xước mặt trong cẳng tay phải của anh S3 gây thương tích. Sau đó, Công an phường TL, thành phố B đã lập biên bản sự việc và chuyển giao Phạm Văn T đến Công an thành phố B, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1184/TgT-TTPY ngày 07/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận anh Nguyễn Tiến S3 bị: Vết trầy xước để lại sẹo mặt trước trong 1/3 dưới cẳng tay phải, bờ nam nhờ, không dính da xung quanh sẹo, kích thước 0,5cm x 0,3cm; Chấn thương phần mềm: Bầm tím ngón trỏ trái tại thời điểm giám định đã lành, không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (Một phần trăm).

Quá trình điều tra xác định: Theo quy định tại khoản 7, Điều 10 Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quy định “*Phương tiện vận tải hàng hóa có khối lượng chuyên chở cho phép từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn được lưu thông trong đô thị trừ các khoảng thời gian giờ cao điểm*” và Công văn số 894/UBND-CN ngày 06/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định khung giờ cao điểm về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn thành phố B là từ “*06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút và từ 16 giờ 30 phút đến 19 giờ 00 phút hàng ngày*”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HSST ngày 12/4/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2022, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Chống người thi hành công vụ*” là đảm bảo đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên tại phiên tòa có đưa ra tình tiết mới gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhưng mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HSST ngày 12/4/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn thi hành án kể từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng thời gian từ 17 giờ 17 phút đến 19 giờ 00 phút ngày 19/10/2021, tại khu vực đường TQ, phường TL, thành phố B, bị cáo có hành vi cản trở lực lượng Cảnh sát giao thông đang thực hiện công vụ khi bị cáo điều khiển xe ô tô vào đường Trần Quý Cáp trong khung giờ cao điểm theo quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk, bị lực lượng tuần tra cảnh sát giao thông, cảnh sát 113 không chế đưa bị cáo về Công an phường TL làm việc thì bị cáo có hành vi cản trướng ngón tay trái và cào cấu gây trầy xước mặt trong cẳng tay phải của anh Nguyễn Tiến S3 - Cán bộ Cảnh sát 113 gây thương tích với tỷ lệ thương tích là 01%, nhằm mục đích cản trở, chống đối lực lượng Công an đang thực hiện công vụ. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T là thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cha đẻ là ông Phạm Minh P được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang đây, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, mặc khác Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 52 (Sử dụng phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội) của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với bị cáo T là chưa chính xác, bởi lẽ hành vi dùng xe ô tô của bị cáo đuổi theo xe ô tô của Cảnh sát giao thông và xuống xe chặn đầu xe của xe cảnh sát giao thông là yếu tố cấu thành tội chống người thi hành công vụ nên cần áp dụng lại cho đúng. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có lý lịch rõ ràng, có nơi ở ổn định, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt tù. Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HSST ngày 12/4/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B
- T.H.A hình sự Tp. B;
- Bị cáo;
- UBND phường TC, Tp. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm

